

KẾ HOẠCH
Tự kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2024
(Cơ sở Trung tâm - Cơ sở 1)

Căn cứ Thông tư 19/2013/TT-BYT ngày 12/7/2013 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện;

Căn cứ Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện”;

Thực hiện theo quyết định số 3652/QĐ-BYT, ngày 03/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành nội dung kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát sự hài lòng người bệnh, nhân viên Y tế năm 2024-2025;

Căn cứ vào kế hoạch số 40 /KH-TTYT ngày 11 tháng 1 năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Trà Bồng về cải tiến chất lượng bệnh viện năm 2024;

Trung tâm Y tế huyện Trà Bồng (Cơ sở Trung tâm - Cơ sở 1) xây dựng Kế hoạch tự kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2024 như sau:

I/ Thành phần đoàn kiểm tra:

*** Trưởng đoàn:**

1. Ông: Hồ Văn Toàn - GD Trung tâm Y tế huyện;

*** Phó đoàn:**

2. Ông: Đặng Văn Nam - PGD Trung tâm Y tế huyện;
3. Ông: Trần Văn Thảo - Phó Phòng KH - NV;

*** Các thành viên:**

4. Ông: Võ Văn Có - Phòng TC-HC;
5. Ông: Trần Văn Thị - NV Phòng KH - NV (Thư ký);
6. Bà: Đặng Thị Ánh Tuyết - Trưởng phòng ĐD;
7. Ông: Hồ Kiên Trung - P. Khoa Khám - Cấp cứu;
8. Bà: Dương Thị Minh Phúc - T. Khoa Nội - Nhi;
9. Bà: Hồ Thị Thu Loan - Phó khoa Ngoại - LCK;
10. Bà: Phạm Thị Mai - Phó khoa CSKSS;

- | | |
|---------------------------|----------------------------|
| 11. Ông: Đinh Tấn Thái | - T. Khoa Dược - VT TTBYT; |
| 12. Bà: Đinh Thị Tha | - Khoa XN - CDHA; |
| 13. Ông: Nguyễn Thành Sen | - Kế toán trưởng; |

II. Nội dung, phương pháp kiểm tra chấm điểm:

1. Nội dung kiểm tra, đánh giá:

1.1 Nội dung1: Thông tin số liệu hoạt động trong 12 tháng (Chuyên môn, tài chính, nhân lực, tổ chức, danh mục kỹ thuật, danh sách người hành nghề, danh mục trang thiết bị, sử dụng thuốc 12 tháng, báo cáo mô hình bệnh tật ICD-10), kết quả đánh giá chất lượng theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam;

Phân công bộ phận phụ trách (Nhập liệu trên phần mềm trực tuyến <https://chatluongbenhvien.vn>)

TT	Nội dung nhập liệu	Bộ phận phụ trách	Ghi chú
1	- Thông tin chung; - Chuyên môn 1,2; - Danh mục DVKT; - Mô hình bệnh tật ICD-10; - Danh sách Người hành nghề; - Nhập kết quả đánh giá chất lượng theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam;	Phòng KH-NV	
2	- Tài chính.	Phòng TC-KT	
3	- Nhân lực; - Tổ chức.	Phòng TC-HC	
4	- DM Trang thiết bị; - Tình hình sử dụng thuốc 12 tháng.	Khoa Dược-TTBYT	

1.2 Nội dung 2: Đánh giá chất lượng bệnh viện

Công cụ đánh giá như sau:

a) Tiêu chuẩn chất lượng cơ bản đối với bệnh viện (ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 11 năm 2024, đánh giá sau ngày 01/01/2025).

b) Thực hiện Kiểm tra theo bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện (phiên bản 2.0) ban hành kèm theo Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Phân công cá nhân phụ trách từng nhóm tiêu chí (83 tiêu chí):

STT	Tên thành viên	Tiêu chí phụ trách	Ghi chú
1	Bs. Hồ Kiên Trung (T. Trưởng)	Chương A1	

	Cn. Huỳnh Thị Thuận		
2	ĐD. Đinh Thị Hồng Lê (T. Trưởng) NHS. Lê Thị Diễm ĐD. Lê Thị Hà	Chương A2, A3, A4	Đ. dây nóng (Kiến- CCTT)
3	Cn. Đặng Thị Ánh Tuyết (T. Trưởng) Cn. Phan Thị Tùng Thư	Chương C4, C6, C7,	
4	Cn. Võ Văn Có (T. Trưởng) Đ/c. Võ Thị Vĩnh	Chương B1, B2, B3, B4	
5	Đ/c. Nguyễn Thành Hoa	Chương C1	
6	Ys. Bùi Trung Kiên	Chương C3	
7	Cn. Đinh Thị Tha	Chương C8	
8	Ds. Đinh Tấn Thái (T. Trưởng) Ds. Nguyễn Giáo Hoàng	Chương C9	
9	Bs. Trần Văn Thảo HD chuyên môn	Chương C5, C10	
10	Bs. Đinh Thị Thanh Hằng (T. Trưởng) Bs: Hồ Thị Thu Loan	Chương D2	
11	Bs. Trần Văn Thị	Chương D1, D3	
12	Đ/c Nguyễn Thị Hải	Chương C2	
13	Bs. Phạm Thị Mai (T. Trưởng) Bs. Đinh Thị Nghĩa Bs. Đinh Thị Chiều	Chương E1, E2	

c) Điều chỉnh thông tin của Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam:

- Không đánh giá tiêu chí C5.1 (quy định phân tuyến đã được thay thế bằng quy định xếp cấp chuyên môn kỹ thuật), tiêu chí C4.5 và C4.6 (tổng số đánh giá 80 tiêu chí).

- Tiêu chí C8.2, Tiêu mục số 19 và 22: thay cụm từ “đạt tiêu chuẩn ISO 15189 (tương đương hoặc cao hơn)” bằng cụm từ “đạt từ mức 4 trở lên theo Quyết định số 2429/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2017 ban hành Tiêu chí đánh giá mức chất lượng phòng xét nghiệm y học”;

- Tiêu chí D2.3, Mức 3: bổ sung thêm yêu cầu: “đạt từ mức 3 trở lên theo Bộ tiêu chí chất lượng đánh giá mức độ an toàn phẫu thuật kèm theo Quyết định số 7482/QĐ-BYT ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế”.

1.3 Nội dung 3 (BCH Công đoàn): Khảo sát hài lòng người bệnh và nhân viên y tế

- Khảo sát sự hài lòng người bệnh nội trú và ngoại trú: áp dụng mẫu phiếu và phương pháp khảo sát thực hiện theo Quyết định số 56/QĐ-BYT ngày 08 tháng 01

năm 2024 ban hành hướng dẫn về phương pháp đo lường hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công giai đoạn 2024-2030.

- Khảo sát sự hài lòng nhân viên y tế, bà mẹ sinh con tại bệnh viện: áp dụng theo các mẫu phiếu khảo sát và tài liệu hướng dẫn phương pháp khảo sát hài lòng (ban hành kèm theo Quyết định số 3869/QĐ-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

- Thực hiện khảo sát sự hài lòng của người bệnh nội trú, ngoại trú, bà mẹ (mỗi nhóm 30 người) và toàn bộ nhân viên y tế (khuyết danh), nhập phiếu trên phần mềm trực tuyến <https://chatluongbenhvien.vn>.

1.4 Nội dung 4 (Khoa Khám - Cấp cứu): Kiểm tra sự sẵn sàng công tác cấp cứu, hồi sức tích cực người bệnh.

1.5 Nội dung 5 (Phòng KH-NV, CNTT, Khoa Dược-TTBYT): Kiểm tra việc triển khai các chỉ đạo khẩn của Chính phủ, Bộ Y tế trong năm 2024:

- a) Tình hình cung ứng thuốc, vật tư y tế, thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, việc xếp cấp chuyên môn kỹ thuật;

- b) Thực hiện các quy định về định mức giường bệnh, số giường kế hoạch, thực kê và các điều kiện liên quan như diện tích, cơ sở hạ tầng, nhân lực...

- c) Công tác chuyển đổi số, triển khai sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID, các công việc liên quan thực hiện Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ.

1.6 Nội dung 6 (Phòng KH-NV): Kiểm tra việc phản hồi một số văn bản phục vụ công tác quản lý (theo hướng dẫn chi tiết của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh).

2. Phương pháp tự kiểm tra đánh giá:

- Khoa, phòng báo cáo tiến độ thực hiện đề án Cải tiến chất lượng. Từng khoa, phòng, tự đánh giá việc thực hiện đề án và các chỉ số chất lượng;

- Các cá nhân, khoa phòng phụ trách từng phần, từng chương, từng nhóm tiêu chí căn cứ theo bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện in biểu mẫu và chấm điểm theo từng mức (**từ mức 1 đến mức 5 - Kèm theo tài liệu, số liệu minh chứng**) theo **Phụ lục 3. Nêu những điểm làm được, chưa làm được, nêu rõ lý do từ đó tiến hành khắc phục và cải tiến.**

- Đoàn kiểm tra thực hiện việc chấm điểm 83 tiêu chí theo Phụ lục 3, Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện;

III. Thời gian tiến hành:

- Ngày 16/12/2024: Họp triển khai kế hoạch và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên đoàn tự kiểm tra, đánh giá CLBV.

- Ngày 17-22/12/2024: Các cá nhân, bộ phận phụ trách từng nhóm tiêu chí rà soát, bổ sung và chấm điểm từng tiểu mục do mình phụ trách để chuẩn bị cho đoàn kiểm tra.

- Ngày 23-25/12/2024: Đoàn tiến hành chấm điểm theo từng tiểu mục, từng nhóm tiêu chí.

- Ngày 27-30/12/2024: Tổ QLCLBV kiểm tra số liệu, nhập liệu trên phần mềm hệ thống.

- Ngày 31/12/2024: Hội đồng Chất lượng bệnh viện thông qua kết quả trong toàn bệnh viện, đăng Website đơn vị.

Trên đây là kế hoạch tự kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện năm 2024 của Cơ sở Trung tâm (Cơ sở 1), đề nghị các cá nhân và các bộ phận nghiêm túc thực hiện đảm bảo về chất lượng và đúng thời gian kiểm tra như đã nêu để công tác đánh giá đúng thực chất và đem đến hiệu quả cải tiến chất lượng về sau.

Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn vui lòng liên hệ tổ Quản lý chất lượng bệnh viện thuộc phòng KH-NV để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Thành viên Đoàn kiểm tra;
- Hội đồng QLCLBV;
- Giám đốc, các P.Giám đốc TTYT;
- Các khoa, Phòng 2 cơ sở;
- Đăng Website TTYT huyện;
- Lưu: VT, tổ QLCLBV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Văn Nam

PHỤ LỤC:
CÁCH TÍNH ĐIỂM KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NĂM 2024-2025

Các nội dung kiểm tra được quy về điểm với tổng điểm tối đa 1000 điểm, chi tiết nội dung và điểm tối đa như sau:

STT	Nội dung đánh giá	Chấm điểm	Điểm tối đa
1	Thông tin, số liệu hoạt động bệnh viện	- Nhập đầy đủ thông tin: 30 điểm - Nhập thiếu: 10 điểm - Không nhập: 0 điểm	30 điểm
2	Đánh giá chất lượng bệnh viện		
		2.1. Đánh giá tiêu chuẩn chất lượng cơ bản - Nhập đầy đủ thông tin, đạt toàn bộ các tiêu chuẩn và đầy đủ bằng chứng minh họa: 50 điểm - Nhập đầy đủ thông tin, đạt toàn bộ các tiêu chuẩn và thiếu bằng chứng minh họa: 20 điểm - Không đạt một tiêu chuẩn bất kỳ: 0 điểm	50 điểm
		2.2. Đánh giá Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện 2.0 - Kết quả đánh giá mức chất lượng nhân với 100 (ví dụ bệnh viện đạt mức 3,6 tương đương 360 điểm)	500 điểm
3	Khảo sát hài lòng người bệnh và nhân viên y tế		
		3.1. Chỉ số tỷ lệ hài lòng NB nội trú quy ra số điểm tương ứng theo thang điểm 100, chia 2 (làm tròn)	50 điểm
		3.2. Chỉ số tỷ lệ hài lòng NB ngoại trú quy ra số điểm tương ứng theo thang điểm 100 chia 2 (làm tròn)	50 điểm
		3.3 Chỉ số tỷ lệ hài lòng NVYT quy ra số điểm tương ứng theo thang điểm 100 chia 2 (làm tròn)	50 điểm
4	Kiểm tra công tác cấp cứu, hồi sức	Triển khai công tác hồi sức tích cực: - Có khoa hồi sức tích cực hoặc thành lập	30 điểm

	tích cực	mới đơn vị (khoa, trung tâm) hội sức tích cực. Đơn vị có ít nhất 3 bác sỹ chuyên khoa cấp cứu, hội sức tích cực trở lên: 30 điểm - Có ít nhất 2 bác sỹ được đào tạo về hội sức tích cực từ 3 tháng trở lên: 10 điểm	
5	Kiểm tra việc triển khai các chỉ đạo khẩn của Chính phủ, Bộ Y tế		
		Chuyển đổi số, phát triển CNTT, nâng cao chất lượng KCB	
		5.1. Đặt lịch hẹn khám - Có áp dụng CNTT đặt lịch hẹn khám trước, tỷ lệ người đến khám sử dụng dưới 50%: 10 điểm - Có áp dụng CNTT đặt lịch hẹn khám trước, tỷ lệ người đến khám sử dụng từ 50% đến 75%: 20 điểm - Có áp dụng CNTT đặt lịch hẹn khám trước, tỷ lệ người đến khám sử dụng từ 75% trở lên: 30 điểm	30 điểm
		5.2. Triển khai hội chẩn, hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa - Có hạ tầng phục vụ hội chẩn từ xa, có kết nối với tuyến trên, tuyến dưới: 5 điểm - Phòng phẫu thuật, thủ thuật có phương tiện phục vụ hội chẩn, hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa: 5 điểm - Có thực hiện hội chẩn từ xa, hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa theo định kỳ ít nhất 1 lần trong 2 tuần: 10 điểm	20 điểm (tính tổng điểm các mục)
		5.3. Triển khai bệnh án điện tử + Thực hiện tốt, áp dụng hoàn toàn bệnh án điện tử: 30 điểm + Khá, đã áp dụng bệnh án điện tử cho trên 50% module: 20 điểm + Trung bình, bắt đầu triển khai áp dụng: 10 điểm + Kém, chưa triển khai: 0 điểm	30 điểm
		5.4. Công tác chuyển đổi số, triển khai số	20 điểm

		sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID, chuyển viện, hẹn khám lại các công việc liên quan thực hiện Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ - Có ki-ốt đăng ký khám bằng căn cước gắn chip điện tử: 5 điểm - Đã thực hiện liên thông dữ liệu phục vụ Đề án 06/CP: 5 điểm - Bảo đảm liên thông giấy chứng sinh, báo tử đầy đủ: 5 điểm - Đã thực hiện lập phiếu chẩn đoán nguyên nhân tử vong cho các trường hợp tử vong tại bệnh viện: 5 điểm	(tính tổng điểm các mục)
		5.5. Tình hình cung ứng thuốc, vật tư y tế trong bệnh viện + Đủ thuốc, vật tư y tế không bị gián đoạn nguồn cung: 30 điểm + Có thiếu, bị gián đoạn dưới 2 tuần trong năm: 20 điểm + Có thiếu, bị gián đoạn dưới 1 tháng trong năm: 10 điểm + Có thiếu, bị gián đoạn từ 1 tháng trở lên: 0 điểm	30 điểm
		5.6. Việc chấp hành pháp luật về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh a) Công khai giá: + Giá niêm yết công khai, in trên bảng treo, giấy, điện tử... để tra cứu + Công khai mức chênh lệch (giữa giá theo yêu cầu và BHYT thanh toán) (10 điểm) b) Về lập phương án giá - Đối với dịch vụ do Bộ Y tế quy định giá cụ thể: từ 01/11/2024 các cơ sở mới thực hiện lập Phương án giá và được cấp có thẩm quyền quyết định giá theo Điều 110 của Luật KBCB. Từ 01/11/2024 trở về trước thực hiện Thông tư 21, 22. (10 điểm) - Đối với dịch vụ KBCB theo yêu cầu: + Đã lập Hồ sơ phương án giá, tổ chức	40 điểm

		thẩm định để Thủ trưởng đơn vị quyết định giá + Thực hiện kê khai giá KBCB theo yêu cầu đầy đủ (10 điểm) c) Việc chấp hành mức giá do cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền quyết định: - Có thực hiện thu đúng giá niêm yết cho đúng đối tượng (10 điểm) <i>Lưu ý: nếu đạt yêu cầu toàn bộ các nội dung trong 5.6 chấm 10 điểm, không đạt chấm 0 điểm</i>	
		5.7. Thực hiện các quy định về định mức giường bệnh, số giường kế hoạch, thực kê và các điều kiện liên quan như diện tích, cơ sở hạ tầng, nhân lực... + Số giường kế hoạch và thực kê chênh nhau dưới 10%: 20 điểm + Số giường thực kê vượt trên 10% và đã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, đạt yêu cầu để phê duyệt bổ sung giường bệnh: 10 điểm + Số giường thực kê vượt trên 10%, hồ sơ thiếu và chưa được phê duyệt: 0 điểm	20 điểm
		5.8. Thực hiện việc xếp cấp chuyên môn kỹ thuật + Báo cáo đúng thời hạn và đầy đủ bằng chứng minh họa: 20 điểm + Báo cáo chậm thời hạn và đầy đủ bằng chứng minh họa: 10 điểm + Không báo cáo, chậm từ 1 tháng trở lên: 0 điểm	20 điểm
6	Kiểm tra việc phản hồi một số văn bản phục vụ công tác quản lý	Rà soát việc cung cấp thông tin đầy đủ cho các văn bản sau: - Công văn số 567/KCB-QLCL&CĐT ngày 16/04/2024 Về việc Báo cáo hình thức thanh toán viện phí và xin ý kiến thanh toán không dùng tiền mặt: 10 điểm - Công văn số 1575/KCB-QLCL&CĐT ngày 27/9/2024, về việc tham gia góp ý dự thảo Thông tư quy định tiêu chuẩn chất lượng cơ bản đối với bệnh viện: 10	30 điểm

		điểm - Công văn số 1761/KCB-QLCL&CĐT ngày 30/10/2024 Về việc Rà soát việc chấm điểm và tổng hợp kết quả, báo cáo xếp cấp chuyên môn kỹ thuật: 10 điểm	
--	--	---	--